

TRUNG TÂM
THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
Tuần 19 (06-10/5/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

Mỹ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần đầu tháng 5/2024 đã bất ngờ tăng thêm, chỉ số lạc quan kinh tế (TIPP) tiếp tục giảm mạnh hơn dự báo;

Khu vực EURO: Doanh số bán lẻ cao nhất 18 tháng, Chỉ số PMI phản ánh hoạt động dịch vụ trong tháng 4/2024 cũng đánh dấu mức tăng mạnh nhất trong gần 1 năm qua, tuy nhiên, chỉ số PMI sản xuất không nhiều cải thiện;

Trung Quốc: Lạm phát tăng tháng thứ 3 trong khi hoạt động ngoại thương đã dần hồi phục;

ECB: Nhiều khả năng nói lỏng chính sách tiền tệ từ tháng 6/2024;

BOE: không thay đổi LSCS trong cuộc họp đầu tháng 5; sẽ cân nhắc dữ liệu sắp tới và rủi ro lạm phát để ra quyết định chính sách.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

Thực hiện ngay việc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với thị trường vàng theo Công văn số 213/TB-VPCP ngày 10/5/2024 thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp về các giải pháp quản lý thị trường vàng trong thời gian tới;

Tỷ giá trung tâm tiếp chủ yếu được NHNN điều chỉnh tăng;

Lãi suất VND liên ngân hàng có sự biến đổi giảm với kỳ hạn qua đêm so với tuần trước;

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 114.035 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu;

Trên thị trường chứng khoán, thanh khoản các sàn đạt bình quân 22.563 tỷ đồng/phiên; khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 2.984 tỷ VND cổ phiếu.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	4,22	0,5	8,2	-1,98
1 Tuần	4,4	-2,64	11,79	-10,84
2 Tuần	4,43	-3,18	12,51	-12,13
1 Tháng	4,5	1,11	11,49	-8,43
3 Tháng	4,98	-1,15	11,33	-11,06
6 Tháng	5,48	4,02	9,64	-6,9
9 Tháng	5,8	-18,14	32,05	-44,48

Ghi chú: Ngày áp dụng 09/05/2024

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
06/05/2024	7		1/1	2.542,82	4,25
	28		11/10	11.990	3,75
07/05/2024	7		2/2	1.738,58	4,25
	28		6/6	7.200	3,75
08/05/2024	7		2/2	2.179,48	4,25
	28		4/4	5.500	3,75
09/05/2024	7		1/1	878,29	4,25
	28		5/5	5.550	3,75
	28		4/4	3.700	3,75

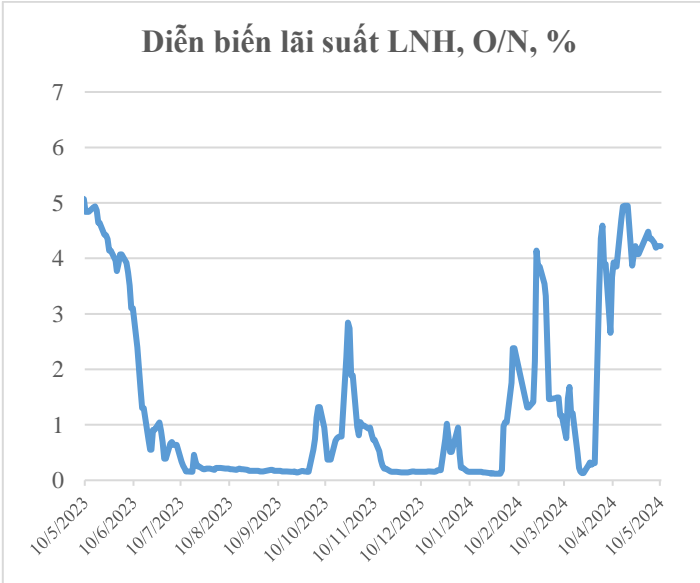
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 19 (06-10/05/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,39		0,82			
Tỷ lệ trúng thầu		61%		60%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	39.250		3.000			
3	7 Năm	3.500		-			
4	10 Năm	68.750		3.000			
5	15 Năm	61.250		3.000			
6	20 Năm	6.500		1.000			
7	30 Năm	8.250		-			
Tổng		187.500		10.000			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	51.566	1,3	2.200	1,69		
3	7 Năm	1.350	2	-			
4	10 Năm	116.599	2,08	4.001	2,54		
5	15 Năm	72.169	2,28	1.000	2,72		
6	20 Năm	6.896	2,6	1.026	2,83		
7	30 Năm	11.536	2,8	-			
Tổng		260.116		8.227			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần trước	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	28.750	1,37	2.000	1,69	+0,03	+0,19
3	7 Năm	400	2,02	-		-	-
4	10 Năm	43.499	2,15	2.800	2,58	+0,03	+0,43
5	15 Năm	35.551	2,35	800	2,75	+0,02	+0,4
6	20 Năm	3.570	2,65	400	2,83	-	+0,18
7	30 Năm	2.265	2,85	-	-	-	-
Tổng		114.035		6.000			

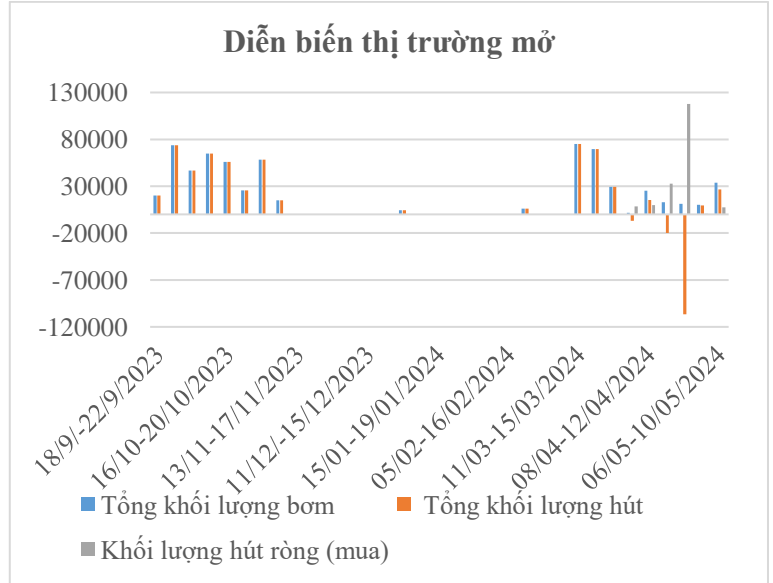
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

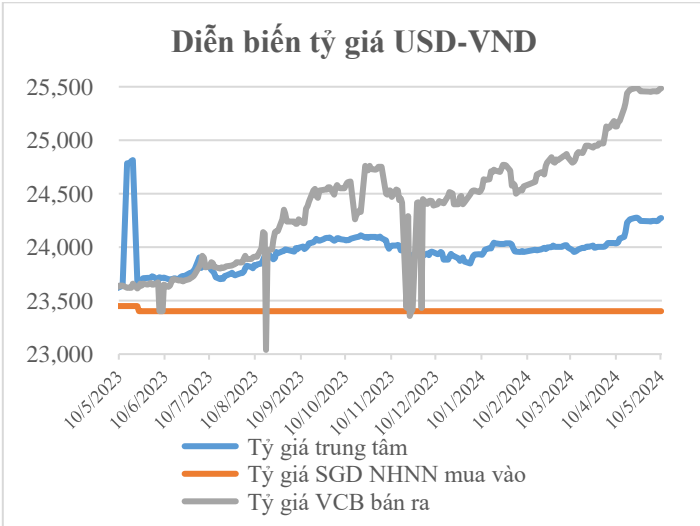


Nguồn: NHNN

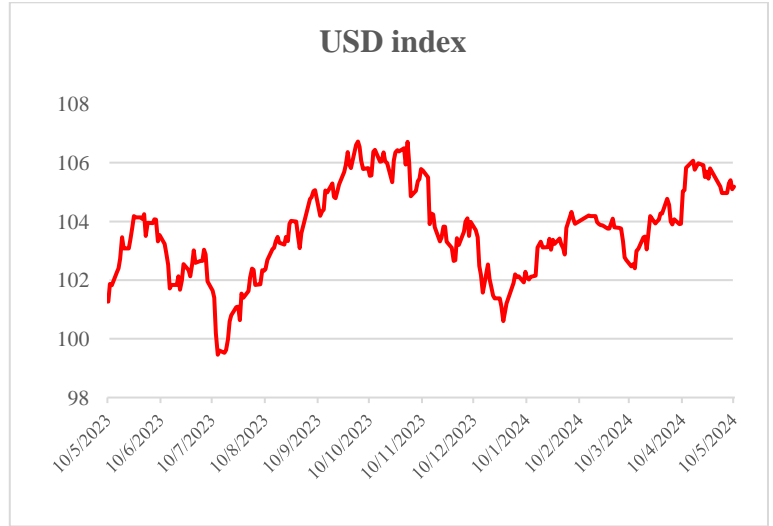


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

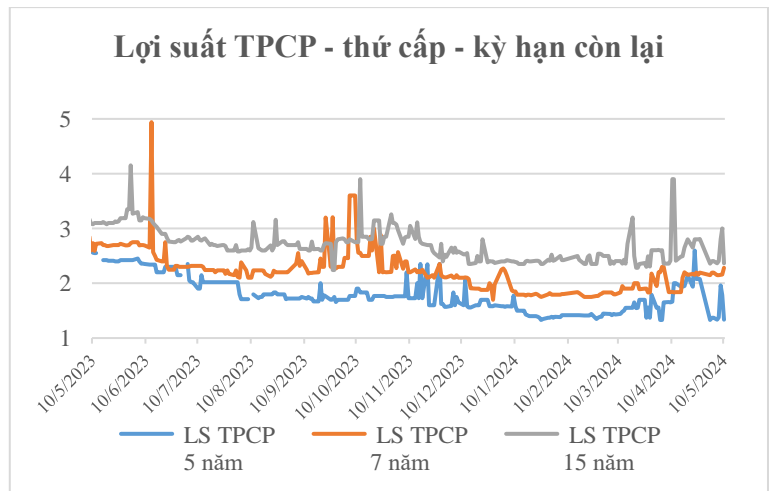


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 19 (06-10/5/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	12/06/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	06/06/2024
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00 %	19/03/2024	14/06/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	22/04/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/06/2024
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	20/06/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	23/05/2024
BI	Indonesia	6.25%	6.00%	24/04/2024	22/05/2024
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	11/07/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	12/06/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	07/06/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo W	+/_% theo M	+/_% YoY
EURUSD	1.07710	0.09%	0.42%	-1.31%
GBPUSD	1.25249	-0.17%	-0.24%	0.13%
AUDUSD	0.66027	-0.10%	0.95%	-1.47%
USDJPY	155.752	1.80%	1.67%	15.77%
USDCNY	7.23372	0.59%	-0.29%	3.94%
USDCAD	1.36716	-0.10%	-0.11%	1.34%
USDRUB	92.2550	0.72%	-1.09%	19.82%
USDKRW	1371.04	1.05%	0.35%	3.02%
DXY	105.304	0.22%	0.03%	3.18%
USDTHB	36.8220	0.41%	1.10%	8.88%
USDSGD	1.35443	0.36%	0.13%	1.71%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% W	+/_% M	+/_% YoY
United States	4.5003	-0.01%	-0.08%	1.10%
United Kingdom	4.1734	-0.05%	-0.03%	0.46%
Japan	0.9094	0.00%	0.05%	0.52%
Australia	4.4060	-0.01%	0.06%	0.99%
Germany	2.5115	0.02%	0.05%	0.29%
China	2.3415	0.03%	0.06%	-0.37%
Singapore	3.2760	-0.12%	-0.13%	0.54%
South Korea	3.5380	-0.07%	-0.05%	0.25%
Taiwan	1.6050	-0.10%	0.07%	0.45%
Thailand	2.7940	0.02%	0.02%	0.31%
Vietnam	2.7870	-0.14%	-0.04%	-0.34%
Hong Kong	3.7760	-0.14%	-0.13%	0.61%
Indonesia	7.0730	-0.08%	0.13%	0.60%
Malaysia	3.9460	0.00%	0.03%	0.15%
Philippines	6.9320	-0.11%	0.14%	1.06%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1Y	+/_% 3 Y
Dow Jones	+2.16%	+4.03%	+4.84%	+18.65%	+16.14%
S&P 500	+1.85%	+1.94%	+9.49%	+26.64%	+27.00%
Nasdaq	+1.14%	+1.02%	+8.86%	+33.02%	+24.50%
DAX	+4.24%	+4.61%	+11.97%	+17.87%	+23.40%
FTSE 100	+2.68%	+5.48%	+9.06%	+8.76%	+21.12%
CAC 40	+3.29%	+2.60%	+8.96%	+10.85%	+30.70%
Euro Stoxx 50	+3.30%	+2.59%	+12.43%	+17.73%	+28.62%
Nikkei 225	+0.05%	-3.20%	+14.32%	+30.18%	+39.38%
Shanghai	+1.60%	+4.47%	+6.04%	-3.60%	-8.02%
Hang Seng	+2.64%	+13.41%	+11.24%	-3.38%	-31.59%
SET	+0.14%	-1.75%	-3.10%	-12.13%	-11.38%
KOSPI	+1.91%	+1.71%	+2.73%	+10.19%	-12.63%
IDX Com	-0.65%	-2.76%	-2.57%	+5.63%	+19.32%
PSEi	-1.57%	-2.21%	+0.96%	-1.01%	+4.42%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Crude Oil USD/Bbl	78.200	0.12%	-8.02%	10.59%
Natural gas USD/MMBtu	2.2520	5.14%	12.60%	2.83%
Gasoline USD/Gal	2.4998	-1.96%	-9.89%	1.71%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2359.75	2.54%	0.66%	17.08%
Silver USD/t.oz	28.162	6.09%	-1.09%	16.49%
Lithium CNY/T	110500	0.00%	-0.90%	-46.75%
Platinum SD/t.oz	1005.50	4.08%	0.69%	-8.06%

3. Khoáng sản	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Copper USD/Lbs	4.6625	2.32%	9.63%	26.10%
Steel CNY/T	3480.00	-2.00%	3.26%	-3.15%
Iron Ore USD/T	116.96	-0.95%	12.44%	9.46%
Aluminum USD/T	2524.00	-1.21%	2.85%	14.16%
Tin USD/T	32593	4.41%	9.20%	25.38%
Zinc USD/T	2947.00	1.24%	6.83%	15.66%
Nikel USD/T	19135	-0.58%	7.43%	-11.83%
Coal USD/T	144.00	-1.10%	9.09%	-11.66%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 12/5/2024

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI – ĐẦU TƯ

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

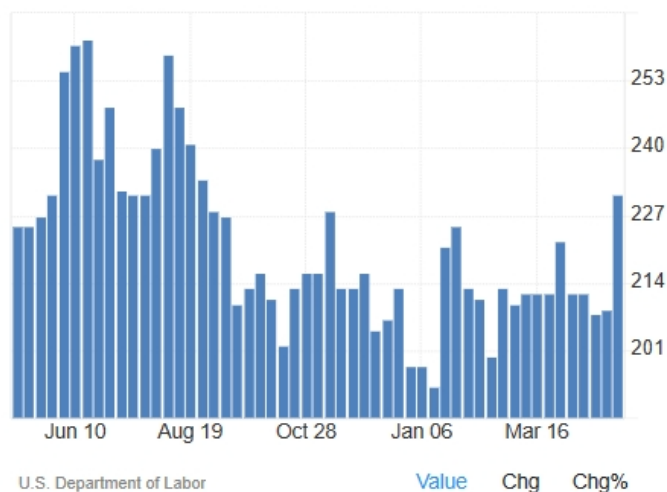
Mỹ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần đầu tháng 5/2024 đã bất ngờ tăng thêm 22 nghìn lên mức cao nhất 8 tháng đạt tới con số 231 nghìn đơn – mức cao nhất kể từ tháng 8/2023, vượt dự báo chỉ 210 nghìn đơn.

Chỉ số lạc quan kinh tế (TIPP) tiếp tục giảm mạnh hơn dự báo

Chỉ số TIPP trong tháng 5 tiếp tục giảm xuống mức 41,8 điểm – thấp nhất trong vòng 5 tháng qua (tháng 4/2024 chỉ số này đạt 43,2 điểm và mức dự báo là 44,1). Lần lượt các chỉ số thành phần cũng giảm:

-Triển vọng kinh tế 6 tháng giảm mạnh từ 38,8 xuống còn 35,7 điểm.

-Niềm tin vào các chính sách kinh tế liên bang giảm mạnh từ 40,3 xuống 38,5 điểm.



Nguồn: BLS/Tradingeconomics

Khu vực EURO: Doanh số bán lẻ cao nhất 18 tháng

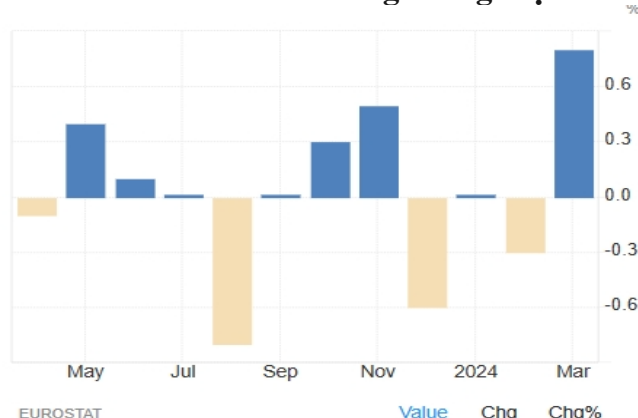
Doanh số bán lẻ tháng 3/2024 của khu vực tăng 0,8% mom, đảo chiều từ mức giảm 0,3% trong tháng 2, vượt dự báo (0,6%) – đây là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 9/2022.

So với cùng kỳ năm trước, doanh số bán lẻ tăng 0,7%, cũng đảo mạnh so với mức giảm 0,5% của tháng trước đó – cũng là mức tăng trưởng đầu tiên về bán lẻ kể từ tháng 9/2022.

Chỉ số PMI phản ánh hoạt động dịch vụ trong tháng 4/2024 cũng đánh dấu mức tăng mạnh nhất trong gần 1 năm qua lên 53,3 điểm. Tâm lý kinh doanh đã có sự cải thiện mạnh 2 tháng liên tiếp.

Tuy nhiên, chỉ số PMI sản xuất không nhiều cải thiện, chỉ nhích nhẹ lên 45,7 điểm so với số sơ bộ (45,6 điểm) và thấp hơn so với số tháng trước 46,1 điểm.

Doanh số bán lẻ bất ngờ tăng mạnh



Chỉ số giá sản xuất tính đến tháng 3/2024 giảm mạnh hơn dự kiến

PPI giảm 7,8% yoy và 0,4% mom đều gần khớp với các mức dự báo (7,7% và 0,4%). Trong đó, giá năng lượng giảm tới 20%.

PPI lõi giảm 1,3% yoy và tăng 0,2% mom.

Nguồn: Eurostat/Tradingeconomics

Trung Quốc:

Lạm phát tăng tháng thứ 3

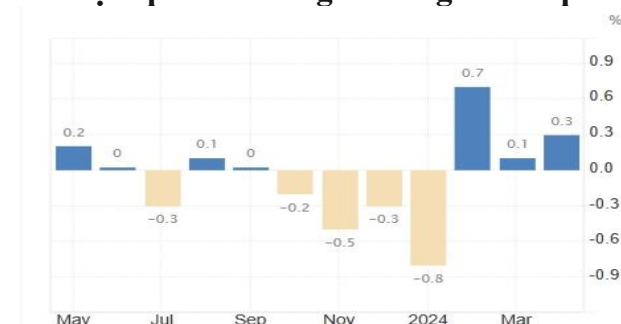
CPI tháng 4/2024/tháng trước/số ước tính:

+0,3% yoy, cao hơn so với số ước tính và số tháng trước (0,1%)

+0,1% mom, đảo chiều tăng so với số giảm 1% trong tháng 3/2024.

Tuy nhiên, ở góc độ giá sản xuất, chỉ số PPI tháng 4/2024 lại giảm:

Lạm phát đã tăng 3 tháng liên tiếp



-2,5% yoy/-2,3%/-2,8%

-0,2%/-0,1%.

4 tháng đầu năm, giá sản xuất giảm 2,7% và PPI đã giảm 19 tháng liên.

Hoạt động ngoại thương phục hồi rõ rệt

Xuất khẩu: +1,5% đạt 1,1 nghìn tỷ USD

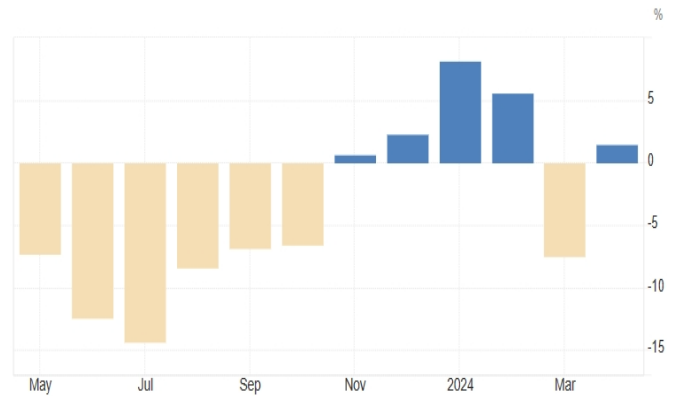
Nhập khẩu: +3,2% đạt tới gần 844 tỷ USD.

Với khối ASEAN, xuất khẩu tăng 4,1%, nhập khẩu tăng 2,6%.

Riêng trong tháng 4/2024, xuất khẩu tăng 1,8%, nhập khẩu tăng vọt 8,4%, vượt ước tính.

Do đó thặng dư thương mại hàng hóa thấp hơn kỳ vọng, cả 4 tháng đầu năm, mức thặng dư khoảng trên 255 tỷ USD.

Ngoại thương đã hồi phục



Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới có tuần tăng mạnh

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay tăng 1% lên 2.369,50 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai tăng 1,5% lên 2.375.00 USD/oz.

Cả tuần, giá vàng tăng khoảng trên 2,54%.

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu Brent giảm 1,3% xuống 82,79 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI giảm 1,26% xuống còn 78,26 USD/thùng.

Cả 2 hợp đồng dầu đều giảm nhẹ (khoảng 0,28%) trong tuần này.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

NHTW các nước

ECB: Nhiều khả năng nói lỏng chính sách tiền tệ từ tháng 6/2024

Một số thành viên ECB tin tưởng rằng các yếu tố then chốt trong chính sách hiện tại là đủ để hạ lãi suất ngay tại cuộc họp này.

BOE: Sẽ cân nhắc dữ liệu sắp tới và rủi ro lạm phát để ra quyết định chính sách

Trong phiên họp chính sách tháng 5/2024, các thành viên của Ủy ban Chính sách Tiền tệ (MPC) của Ngân hàng trung ương Anh (BOE) quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 5,25%. Số thành viên ủng hộ chưa giảm lãi suất tăng lên 2 thành viên.

Theo biên bản họp của ECB, nhiều khả năng việc nói lỏng chính sách tiền tệ sẽ bắt đầu từ cuộc họp tháng 6/2024. Các thành viên nhấn mạnh rằng việc duy trì cách tiếp cận linh hoạt dựa trên dữ liệu tại mỗi cuộc họp là cần thiết, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chờ đến tháng 6 để có thêm bằng chứng xác nhận.

Các thành viên ECB cảm thấy rằng thị trường đã hiểu cách thức truyền thông và phản ứng của ECB, sẵn sàng cho khả năng cắt giảm lãi suất tại cuộc họp tháng 6.

Nguồn: Bloomberg

Đồng thời, MPC cảnh báo các chỉ số về lạm phát vẫn còn ở mức cao, lạm phát dịch vụ ở mức 6% trong tháng 3/2024. Rủi ro địa chính trị có thể khiến giá cả gia tăng trong ngắn hạn.

BoE cho biết sẽ cân nhắc dữ liệu sắp tới và rủi ro lạm phát để ra quyết định chính sách sắp tới.

Nguồn: BOE/Reuters

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. KINH TẾ VĨ MÔ

Công văn số 213/TB-VPCP ngày 10/5/2024 thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp về các giải pháp quản lý thị trường vàng trong thời gian tới.

Ngày 12/5, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) làm việc với UBND TP. Hồ Chí Minh triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác phối hợp quản lý thị trường vàng.

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 4 tháng đầu năm tiếp tục là điểm sáng trong bối cảnh thương mại, đầu tư toàn cầu phục hồi chậm

Thông báo kết luận nêu rõ: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền đã triển khai các giải pháp quản lý thị trường vàng, tuy nhiên tình hình chưa có nhiều chuyển biến, giá vàng miếng trong nước tiếp tục tăng, tình trạng chênh lệch cao giữa giá vàng miếng trong nước và giá vàng thế giới chưa được khắc phục.

Khẩn trương thực hiện ngay việc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với thị trường vàng, hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vàng, các cửa hàng, đại lý phân phối và mua bán vàng miếng, việc tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012, quy định pháp luật về cạnh tranh và các quy định pháp luật có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả trong tháng 5 năm 2024, không để chậm trễ hơn nữa.

Nguồn: Chinhphu.vn

Để tăng cường hiệu quả các giải pháp quản lý thị trường vàng trong thời gian tới, tại cuộc họp Lãnh đạo NHNN và UBND TP. Hồ Chí Minh thống nhất một số nội dung sau: Phối hợp với NHNN và các cơ quan liên quan khẩn trương thực hiện ngay các biện pháp, công cụ theo quy định pháp luật, nhất là Nghị định 24/2012/NĐ-CP để quản lý, điều hành chặt chẽ, hiệu quả thị trường vàng, không để xảy ra tình trạng trục lợi, đầu cơ, thao túng, đẩy giá...; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác giám sát, quản lý, điều hành thị trường vàng, có hóa đơn điện tử trong việc thực hiện các giao dịch mua, bán vàng, yêu cầu các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh vàng thực hiện nghiêm quy định về hóa đơn điện tử trong hoạt động kinh doanh, mua, bán vàng; Tiếp tục thực hiện nghiêm công tác nắm tình hình, thanh tra, kiểm tra, giám sát...

Nguồn: NHNN

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính từ đầu năm đến 20/04/2024, tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà ĐTNN đạt hơn 9,27 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2023, cho thấy Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn các nhà ĐTNN. Nhiều dự án lớn ở các lĩnh vực năng lượng (sản xuất pin, tế bào quang điện, thanh silic), sản xuất linh kiện, sản phẩm điện tử, sản phẩm nhiều giá trị gia tăng được đầu tư mới và mở rộng vốn trong 04 tháng qua.

Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện đạt 6,28 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, là mức thực hiện cao nhất trong 5 năm qua.

Nguồn: TCTK

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 19 (06/05-10/05/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng có sự biến đổi giảm với kỳ hạn qua đêm so với tuần trước.
- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 33.890 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất đi ngang ở 3,75%/năm, có 25.250 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

2.2. Thị trường ngoại hối

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.
- Chỉ số USD Index về quanh mốc 105,3 điểm.

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP& TP CBLCP: Tuần 19 (06/05-10/05/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **6.000/10.000** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ là 60%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với tuần trước: 5 năm - lãi suất 1,69 % (tăng 0,03 điểm); 10 năm - lãi suất 2,58 % (tăng 0,03 điểm); 15 năm - lãi suất 2,75 % (tăng 0,02 điểm); 20 năm - lãi suất 2,83 %.

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **114.035** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, thị trường không phát hành trái phiếu. Lũy kế từ đầu năm đến 10/05/2024

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 6-10/5, lãi suất VND liên ngân hàng biến động theo xu hướng giảm ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 10/5, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,25% (-0,18 điểm phần trăm); 1 tuần 4,43% (-0,19 điểm phần trăm); 2 tuần 4,66% (-0,07 điểm phần trăm); 1 tháng 4,80% (-0,03 điểm phần trăm).

- Trên thị trường mở tuần qua từ 6-10/5, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 25.000 tỷ VND, lãi suất 4,25%. Có 7.337,87 tỷ đồng trúng thầu và 118.363,67 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 6-10/5, tỷ giá trung tâm tiếp chủ yếu được NHNN điều chỉnh tăng. Chốt ngày 10/5, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.271 VND/USD, tăng 26 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

- Sở Giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD - 25.450 VND/USD qua tất cả các phiên.

- Tỷ giá liên ngân hàng tăng trở lại trong tuần từ 6-10/5. Kết thúc phiên 10/5, tỷ giá liên ngân hàng đóng cửa tại 25.452 VND/USD, tăng 46 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

Thị trường thứ cấp TPCP&TP CBLCP: Tuần 19 (06/05-10/05/2024)

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 11.618 tỷ đồng/phiên, tăng 67.18% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

Kỳ hạn	Biến động	Giá trị	Đơn vị
5 năm	giảm	0.04	điểm%
7 năm	tăng	0.09	điểm%
10 năm	giảm	0.14	điểm%
15 năm	tăng	0.23	điểm%

Tuần qua NĐT NN mua ròng 357.580 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VNĐ)
Tuần 19 (06/05-10/05/2024)	357.580
Tháng 4-2024	810.210
Q1 - 2024	-911.04
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 27.911 tỷ VND (Khối lượng 50.079).

Lũy kế từ khi có sàn giao dịch đạt giá trị 326.712 tỷ VND

là 35.101 tỷ VND (có 39 đợt thông báo phát hành) (KL đạt 931.303).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số tăng, thanh khoản các sàn đạt bình quân 22.563 tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1.244,70 điểm (+23,67 điểm; +1,94%) và *HNX-Index* đóng cửa ở 235,68 điểm (+7,46 điểm; +3,27%) so với phiên cuối tuần trước.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 10/05/2024 là 64,8%, tăng 4,93 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 2.984 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 19.809 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 10/05/2024: 6,747 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 10,419,5 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	Chính phủ, bộ ngành			
CP	Nghị định 48/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số	09/5/2024	09/5/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html
CP	Nghị quyết 66/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới	09/05/2024	09/05/2024	
VPCP	Thông báo số 203/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Kết luận Phiên họp lần thứ 8 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số	06/5/2024	06/5/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
VPCP	Nghị quyết số 65/NQ-CP của Chính phủ: Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2024	07/5/2024	07/5/2024	
VPCP	Quyết định số 381/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	07/5/2024	07/5/2024	

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	Chính phủ, bộ ngành			
BTC	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính	09/5/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpp1?
NHNN	Dự thảo Nghị định quy định điều kiện cấp phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	08/5/2024		
BTC	Dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	07/5/2024		https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA